

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1343 /NHNN-VP
V/v trả lời chất vấn của Đại biểu QH
tại Hội trường ngày 24-25/11/2011

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2012

Kính gửi:

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:.....16.14.....
	Ngày:.....09.13.....

- Đại biểu Quốc hội Nguyễn Ngọc Hòa, Đoàn TP. Hồ Chí Minh;
- Đại biểu Quốc hội Nguyễn Thanh Thụy, Đoàn Bình Định;
- Đại biểu Quốc hội Nguyễn Hữu Quang, Đoàn Tuyên Quang;
- Đại biểu Quốc hội Đặng Ngọc Nghĩa, Đoàn Thừa Thiên-Huế;
- Đại biểu Quốc hội Nguyễn Ngọc Phương, Đoàn Quảng Bình;

Trong phiên chất vấn tại Hội trường ngày 24-25/11/2011 của Kỳ họp thứ Hai, Quốc hội khóa XIII, vì không đủ thời gian nên một số chất vấn của Đại biểu Quốc hội chưa được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trả lời trực tiếp. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xin giải trình các nội dung chất vấn chưa được trả lời như sau:

1. Về vấn đề cơ chế điều hành, quản lý và cấp các quota nhập vàng trong thời gian tới có đổi mới gì hay vẫn giữ nguyên cơ chế bị động theo thị trường? (chất vấn của Đại biểu Nguyễn Ngọc Hòa – Thành phố Hồ Chí Minh)

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2012, hiện nay, Ngân hàng Nhà nước đang hoàn thiện dự thảo Nghị định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng theo hướng Nhà nước độc quyền sản xuất vàng miếng, xuất nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất hàng miếng; công nhận và bảo vệ quyền sở hữu vàng hợp pháp của tổ chức, cá nhân; hạn chế việc sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán và tình trạng vàng hóa nền kinh tế; huy động được nguồn lực trong xã hội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở đó, Ngân hàng Nhà nước chủ động điều hành việc nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng, phù hợp với mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ nhằm ổn định thị trường vàng trong nước.

2. Về vấn đề có phải Ngân hàng Nhà nước coi trọng ổn định kinh tế vĩ mô hơn bảo đảm an sinh xã hội và ổn định sản xuất kinh doanh không? (chất vấn của Đại biểu Nguyễn Thanh Thụy - Bình Định)

Mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia được Chính phủ xây dựng trên cơ sở mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo cân đối hài hòa giữa các mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội. Trên cơ sở đó, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các bộ, ngành liên quan sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia.

Trong năm 2011, chính sách tiền tệ được Ngân hàng Nhà nước điều hành chặt chẽ theo đúng tinh thần Kết luận 02 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 về những giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo có liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, Ngân hàng Nhà nước đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm giảm lãi suất, tập trung ưu tiên vốn cho sản xuất - kinh doanh, khu vực nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa và các nhu cầu vốn phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân và thuộc chính sách an sinh, xã hội của Chính phủ, như nhu cầu vốn để sửa chữa nhà và mua nhà để ở mà nguồn trả nợ bằng tiền lương, tiền công của khách hàng vay, xây dựng nhà để bán, cho thuê cho người thu nhập thấp, công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế... Như vậy, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện các giải pháp đảm bảo cân đối hài hòa giữa mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô hơn bảo đảm an sinh xã hội và ổn định sản xuất - kinh doanh.

3. Về vấn đề lãi suất liên ngân hàng cao có ảnh hưởng đến chính sách bình ổn kinh tế vĩ mô không? (chất vấn của Đại biểu Nguyễn Hữu Quang – Thanh Hóa)

Lãi suất liên ngân hàng phản ánh mối quan hệ vay mượn vốn giữa các tổ chức tín dụng với nhau. Loại lãi suất trên thị trường này diễn biến rất đa dạng, phong phú phụ thuộc vào uy tín, năng lực và mức độ tín nhiệm lẫn nhau giữa các tổ chức tín dụng.

Nếu mặt bằng lãi suất phổ biến của thị trường này cao cho thấy nhu cầu vốn và khả năng thanh khoản của hệ thống ngân hàng gặp khó khăn và không đồng đều giữa các ngân hàng, gây ảnh hưởng nhất định đến sự ổn định của thị trường tiền tệ và tác động không tốt đến tâm lý thị trường. Còn mức lãi suất cao của một vài giao dịch có khối lượng không lớn sẽ không ảnh hưởng đến sự ổn định của thị trường tiền tệ. Để tránh gây tác động không thuận lợi cho thị trường, Ngân hàng Nhà nước thường xuyên theo dõi diễn biến trên thị trường liên ngân hàng và có các biện pháp can thiệp phù hợp nhằm duy trì sự ổn định của thị trường.

4. Về thực trạng và giải pháp kiểm soát, thu hồi nợ xấu (chất vấn của Đại biểu Đặng Ngọc Nghĩa - Thừa Thiên - Huế):

Đến cuối năm 2011, nợ xấu của hệ thống ngân hàng chiếm 3,07% tổng dư nợ, cao hơn mức 2,14% của năm 2010 nhưng vẫn nằm trong tầm kiểm soát (dưới 5% tổng dư nợ). Để kiểm soát sự gia tăng nợ xấu, Ngân hàng Nhà nước đã và đang thực hiện các giải pháp sau:

- *Chỉ đạo các tổ chức tín dụng:* (i) Thực hiện cơ cấu lại danh mục khách hàng, thẩm định chặt chẽ, không hạ thấp điều kiện cho vay, lựa chọn và chỉ tiếp tục duy trì cấp tín dụng cho những khách hàng thực sự có năng lực tài chính, có dự án đầu tư khả thi và hiệu quả; (ii) Thực hiện phân loại nợ chính xác, phản ánh

đúng thực trạng chất lượng tín dụng; kiên quyết khắc phục tình trạng làm đẹp chất lượng tín dụng, giấu nợ xấu, thực hiện nghiêm túc và đầy đủ qui định phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro; (iii) Hoàn thiện, nâng cao năng lực hệ thống quản trị rủi ro tín dụng theo hướng đổi mới, hiện đại hóa công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống cảnh báo sớm về các khoản nợ có vấn đề; (iv) Thường xuyên rà soát, đánh giá hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ để kịp thời sửa đổi các cơ chế, chính sách nội bộ không còn phù hợp; (v) Rà soát và hoàn thiện mô hình phân cấp quản lý, gắn trách nhiệm cá nhân, tập thể khi xử lý cấp tín dụng; (vi) Có biện pháp xử lý tài sản đảm bảo để tận thu các khoản nợ đọng; (vii) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ.

- *Chỉ đạo các đơn vị chức năng thuộc Ngân hàng Nhà nước:* (i) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức tín dụng có tỷ lệ nợ xấu cao; (ii) Phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan để có những chính sách phù hợp liên quan đến trích lập dự phòng, xử lý rủi ro, đồng thời tạo điều kiện hỗ trợ các ngân hàng thương mại trong việc xử lý tài sản, thu hồi nợ; (iii) Khẩn trương ban hành quy định mới về phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro cho phù hợp với tình hình mới.

Thực tế, phần lớn các khoản vay tại tổ chức tín dụng đều được bảo đảm bằng tài sản và giá trị khoản vay thường thấp hơn giá trị tài sản bảo đảm. Trong trường hợp không thể thu hồi nợ, các tổ chức tín dụng có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định. Ngoài ra, theo quy định hiện hành về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, các khoản nợ xấu, nợ quá hạn không có khả năng thu hồi được các tổ chức tín dụng trích lập dự phòng rủi ro với tỷ lệ 100% và được tính vào chi phí hoạt động của các tổ chức tín dụng.

5. Về giải pháp hỗ trợ đối tượng cận nghèo và các đối tượng xã hội không có tài sản thế chấp tiếp cận vốn vay ngân hàng? (chất vấn của Đại biểu Nguyễn Ngọc Phương – Quảng Bình)

Tại Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011, Chính phủ đã đề ra định hướng giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 đến 2020, trong đó có các giải pháp hỗ trợ các hộ sát chuẩn nghèo (cận nghèo) không tái nghèo và thoát nghèo bền vững. Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội đang làm đầu mối phối hợp với các Bộ, ngành (trong đó có Ngân hàng Nhà nước) và Ngân hàng Chính sách xã hội tiến hành khảo sát thực tế để xác định hộ nghèo và hộ cận nghèo đến thời điểm cuối năm 2011, để làm cơ sở đề xuất các chính sách hỗ trợ giảm nghèo theo Nghị quyết 80/NQ-CP, trong đó có chính sách tín dụng, lãi suất... Theo đó, Ngân hàng Nhà nước đề xuất Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Lao động- Thương binh và xã hội và các bộ ngành, khẩn trương sửa đổi, bổ sung Nghị định 78/2002/NĐ-CP để bổ sung quy định hộ cận nghèo được vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng sẽ tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế tín dụng đối với nông nghiệp nông thôn theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP, bố trí nguồn vốn, mở rộng mạng lưới, đào tạo cán bộ để tăng khả năng thẩm định dự án, phương án vay

vốn và xem xét cho vay không phải bảo đảm bằng tài sản đối với các dự án, phương án vay vốn có hiệu quả, có khả năng trả nợ đúng hạn. Theo đó, hộ gia đình, hộ kinh doanh trên địa bàn nông thôn, cá nhân, chủ trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác được tổ chức tín dụng xem xét cho vay không có bảo đảm bằng tài sản tối đa đến 50 triệu đồng đối với các cá nhân, hộ sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đến 200 triệu đồng đối với các hộ kinh doanh, sản xuất ngành nghề hoặc làm dịch vụ nông nghiệp làm dịch vụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn; đến 500 triệu đối với đối tượng là các hợp tác xã, chủ trang trại; cho vay tín chấp trên cơ sở có đảm bảo của tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn theo quy định hiện hành.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng cũng đã rất tích cực tập trung vốn cho phát triển nông nghiệp và nông thôn. Đến nay, đã có 05 tổ chức tín dụng có dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn bình quân từ 40% đến dưới 70% tổng dư nợ và được Ngân hàng Nhà nước áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng VND bằng 1/5 tỷ lệ dự trữ bắt buộc thông thường, góp phần làm tăng nguồn vốn cho nông nghiệp và nông thôn. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước đang thực hiện các chính sách khuyến khích các tổ chức tín dụng mở rộng mạng lưới giao dịch tại các khu vực nông nghiệp, nông thôn, để người dân, trong đó có các đối tượng cận nghèo và đối tượng chính sách, tiếp cận dễ dàng hơn với vốn vay và dịch vụ ngân hàng.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm của Đại biểu Quốc hội đối với hoạt động ngân hàng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Vụ Công tác đại biểu – VP Quốc hội;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu VP1.

THỐNG ĐỐC



NGUYỄN VĂN BÌNH